

TRƯỜNG MẦM NON CÁT TƯỜNG
LỚP 25 – 36 tháng

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC TRẺ NHÀ TRẺ 25 - 36 THÁNG
THÁNG 4 - NĂM HỌC 2024-2025

Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Hình thức		
		Sinh hoạt	Giờ học	Chủ đề
I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT				
1. Phát triển vận động:				
1.1 Thực hiện các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp				
Trẻ bắt chước một số động tác theo cô: giờ cao tay – đưa về phía trước - sang ngang.	- Hô hấp: Máy bay ù...ù... - Tay: Giờ tay lên cao, đưa ra sau kết hợp lắc tay - Lưng, bụng, lườn: Nghiêng người sang 2 bên. - Chân: Ngồi xuống đứng lên.	TDS		
1.2 Thực hiện các vận động cơ bản và phát triển các tổ chất vận động ban đầu.				
Trẻ giữ thăng bằng của cơ thể khi thực hiện vận động đi/chạy thay đổi tốc độ hoặc đi trong đường hẹp có bề vật nhỏ trên tay (MT 2.1)	- Đứng co 1 chân. - Tập bước lên, xuống bậc thang.	VCNT	2	
Trẻ phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật trên lưng (MT 2.3).	- Bò trườn qua vật cản	VCNT	1	
Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng, ném xa lên phía trước bằng 1 tay (tối thiểu 1,5m) (MT 2.4).	- Đá bóng lăn ra xa 1,5m.	VCNT	1	
1.3 Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt:				
Trẻ vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay, thực hiện “múa khéo” (MT 3.1).	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò, xé.	VCTL		
	- Nhón nhặt đồ vật.	VCTL	1	
Trẻ phối hợp các cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay – mắt trong hoạt động (MT 3.2).	- Tập khâu, luồn dây, buộc dây, tạp cài, cởi nút áo	VCTL		
	- Lật, mở trang sách.	VCTL	1	
2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe:				
2.1 Có một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt.				

Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn các loại thức ăn khác nhau (MT 1.1)	- Biết sử dụng chén, muỗng, ly đúng cách.	ĂN		
Trẻ tập đi vệ sinh đúng nơi quy định (MT 1.3) .	- Tập luyện thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín. - Vứt rác đúng nơi quy định.	VS		
2.2 Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe.				
Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh) (MT 2.1) .	- Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	VS		
	- Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.	VS		
2.3 Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn				
Trẻ biết và tránh xa một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở (MT 3.2) .	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn,...) khi được nhắc nhở.	TCS		
II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC				
1. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan.				
2. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi bằng cử chỉ, lời nói.				
Trẻ bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc (MT 2.1) .	- Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi.	VCTL		
	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	VCTL	1	
Trẻ nói tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc (MT 2.4) .	- Tên và một vài đặc điểm nổi bật của xe máy, quả chuối, bộ phận quyển sách, con voi.	VCTL	4	
Trẻ chỉ/ nói tên hoặc lấy hoặc cất đồ chơi có màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu (MT 2.5) .	- Màu xanh, màu đỏ, màu vàng.	VCTL		
	- Kích thước to, nhỏ.	VCTL	1	
Trẻ chỉ/ nói tên hoặc lấy hoặc cất đồ chơi có kích thước to/nhỏ, hình dạng, số lượng và vị trí trong không gian theo yêu cầu (MT 2.6) .	- Số lượng một và nhiều	VCTL	1	
III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ				
1. Nghe hiểu lời nói:				
Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động (MT 1.1) .	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói đơn giản: cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay.	MLMN		
Trẻ trả lời được câu hỏi: “Ai đây?”,	- Nghe và hiểu các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì	MLMN		

“Cái gì đây?”, “Làm gì?”, “Làm thế nào?” (MT 1.2).	đây?”, “Làm gì?”, “Làm thế nào?”.			
Trẻ hiểu nội dung câu truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên hành động của các nhân vật (MT 1.3)	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát, truyện ngắn.	MLMN		
2. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu:				
Trẻ phát âm rõ tiếng (MT 2.1).	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.	VCTL		
Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo (MT 2.2).	- Đọc đồng dao “Con voi”.	VCTL	1	
	- Đọc thơ “Đi chơi phố”.	VCTL	1	
3. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp:				
Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng. Có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc (MT 3.1).	- Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi. - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý. Câu chuyện “Thỏ con sang đường”.	VCTL	1	
Trẻ sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau (MT 3.2).	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.	MLMN		
Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép (MT 3.3).	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.	MLMN		
4. Làm quen với sách:				
Trẻ lắng nghe khi người lớn đọc sách (MT 4.1).	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách.	VCTL		
Trẻ xem tranh và gọi tên các nhân vật, hành động gần gũi trong tranh (MT 4.2).	- Lật lần lượt từng trang sách, xem tranh và gọi tên nhân vật, hành động gần gũi trong tranh.	VCTL	1	
IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ				
1. Biểu lộ sự nhận thức về bản thân.				
Trẻ thể hiện điều mình thích và không thích (MT 1.2).	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên. - Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.	MLMN		
2. Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi:				
Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp với những người khác bằng cử chỉ, lời nói (MT 2.1).	- Giao tiếp với những người xung quanh.	MLMN		
Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc khác nhau (vui, buồn, sợ hãi) (MT 2.2).	- Cảm nhận được trạng thái cảm xúc khác nhau (vui, buồn, sợ hãi).	MLMN		

Trẻ biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ (MT 2.3) .	- Cảm nhận và biểu lộ cảm xúc khác nhau (vui, buồn, sợ hãi) của mình với những người xung quanh.	MLMN		
3. Thực hiện hành vi xã hội đơn giản.				
Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ă, vâng ạ (MT 3.1) .	- Thể hiện một số hành vi giao tiếp như: chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ “ạ, dạ” khi được nhắc nhở.	MLMN		
Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (MT 3.2) .	- Thể hiện hành vi xã hội: trò chơi bé em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại....	MLMN		
Trẻ chơi thân thiện cạnh trẻ khác (MT 3.3) .	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không giành đồ chơi với bạn.	MLMN		
Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn (MT 3.4) .	- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm/lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào đúng nơi quy định.	MLMN		
4. Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/ tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh.				
Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc (MT 4.1) .	- Vận động theo nhạc hát bài “Tập tầm vông”.	VCTL	1	
	- Hát theo nhạc bài hát “Lái ô tô”.	VCTL	1	
Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc) (MT 4.2) .	- Xé giấy dải dài.	VCTL	1	
	- Nặn củ cà rốt.	VCTL	1	

Ngày tháng năm 2025

Duyệt của Hiệu trưởng

Giáo viên 1

Giáo viên 2